

Số: **111** /QĐ-BNN-TC

Hà Nội, ngày **24** tháng **01** năm **2011**

**QUYẾT ĐỊNH**

**Giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2011 (lần 1)**

**BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Nghị định 75/2009/NĐ-CP ngày 10/9/2009 của Chính phủ sửa đổi Điều 3 Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008;

Căn cứ Quyết định số 09/2008/QĐ-BNN ngày 28/01/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Vụ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 108/QĐ-BNN-TC ngày 20 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc giao dự toán thu, chi NSNN năm 2010 (lần 1);

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2011 (lần 1) cho: **Cơ quan Đại diện Văn phòng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Thành phố Hồ Chí Minh** (Chi tiết theo biểu đính kèm).

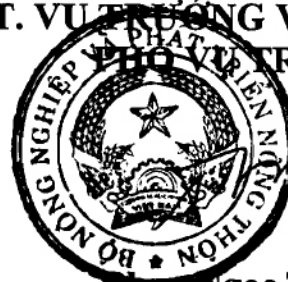
**Điều 2.** Căn cứ dự toán chi ngân sách năm 2011 được giao, Thủ trưởng đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- KBNN giao dịch;
- Lưu VT, TC.

**TL. BỘ TRƯỞNG  
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ TÀI CHÍNH  
PHÓ VỤ TRƯỞNG**



**Phan Ngọc Thủy**



# QUẢN THU, CHI NSNN NĂM 2011

Đơn vị: Cơ quan Đại diện Văn phòng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại TP Hồ Chí Minh

Mã số sử dụng ngân sách: 1053809 tại Kho bạc Nhà nước Quận 3 TP Hồ Chí Minh

(Kèm theo Quyết định số 131/QĐ-BNN-TC ngày 24 tháng 01 năm 2011

Đ. C. B. N. N. T. C. Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

ĐVT: 1.000 đồng

| Loại | Khoản | TT  | Nội dung                                                         | Tổng số   | Ghi chú |
|------|-------|-----|------------------------------------------------------------------|-----------|---------|
|      |       | I   | TỔNG SỐ THU, CHI, NỢP NGÂN SÁCH PHÍ, LỆ PHÍ                      |           |         |
|      |       | 1   | Số thu phí, lệ phí                                               | 0         |         |
|      |       | 2   | Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại                         | 0         |         |
|      |       | 3   | Số phí, lệ phí nộp ngân sách                                     | 0         |         |
|      |       | II  | DỰ TOÁN CHI NSNN                                                 | 1.291.000 |         |
| 460  |       | 1   | Các hoạt động quản lý hành chính nhà nước                        | 1.291.000 |         |
|      | 463   | 1.1 | Kinh phí thực hiện tự chủ                                        | 966.000   |         |
|      |       |     | Trong đó: Kinh phí tiết kiệm 10% thực hiện điều chỉnh tiền lương | 33.000    |         |
|      |       |     | - Kinh phí trích nộp quỹ thi đua khen thưởng của Bộ              | 2.888     |         |
|      |       | 1.2 | Kinh phí không thực hiện tự chủ                                  | 325.000   |         |
|      |       |     |                                                                  |           |         |

Ghi chú:

Kinh phí không thực hiện tự chủ loại 460 - 463 (QLHCNN): 325 triệu đồng, bao gồm :

- Mua sắm TSCĐ 200.000
- Sửa chữa TSCĐ sửa chữa thường xuyên 125.000

